

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **6351** /SXD-PTN&TTBĐS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **08** tháng 5 năm 2023

V/v bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 160 căn hộ thuộc Khu chung cư A5 và 1.153 căn hộ thuộc Khu chung cư A6 trong dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú

Kính gửi: Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)

Địa chỉ: số 68 đường N1, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số GLHCMC/SPAD/1.01/DOC/ACCS/A5&A6-SP/2023/17 ngày 10 tháng 4 năm 2023 (theo Giấy tiếp nhận hồ sơ số 2300012/TNHS-HĐV-TM ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Sở Xây dựng) đính kèm hồ sơ liên quan của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) về xác nhận đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 1.313 căn hộ (gồm 160 căn thuộc Khu chung cư A5 và 1.153 căn thuộc Khu chung cư A6) trong dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú (chủ đầu tư cam kết không có thể chấp quyền sử dụng đất và nhà ở tại dự án cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào).

Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Thông tin chung về dự án (theo Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Công văn số 364/HĐXD-QLDA ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình Khu chung cư A5; Công văn số 81/HĐXD-QLDA ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình Khu chung cư A6)

- | | |
|------------------------|---|
| - Tên dự án | : Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng. |
| - Hạng mục | : Khu chung cư A5 và Khu chung cư A6. |
| - Địa điểm | : phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú. |
| - Tên chủ đầu tư | : Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC). |
| - Quy mô diện tích đất | : Khu A5 (80.298 m ²); Khu A6 (52.100,1 m ²). |
| - Quy mô nhà ở | : Khu A5 (1.295 căn hộ); Khu A6 (1.262 căn hộ). |

2. Các giấy tờ pháp lý liên quan dự án

Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) cung cấp các văn bản sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 577325 (Số vào sổ cấp GCN: CT09186; Thửa đất số 39; Tờ bản đồ số 40 (Theo tài liệu năm 2005); Diện tích 80.298 m²; Mục đích sử dụng: Xây dựng Khu nhà ở) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03 tháng 11 năm 2011 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn Thương Tín Tân Thắng, được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận thay đổi người sử dụng đất thành Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) vào ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 577326 (Số vào sổ cấp GCN: CT09185; Thửa đất số 109; Tờ bản đồ số 33 (Theo tài liệu năm 2005); Diện tích 52.100,1 m²; Mục đích sử dụng: Xây dựng Khu nhà ở) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03 tháng 11 năm 2011 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sài Gòn Thương Tín Tân Thắng, được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận thay đổi người sử dụng đất thành Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) vào ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Quyết định số 4324/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng (phần quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông).

- Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng (phần hạ tầng kỹ thuật).

- Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng (phần quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông).

- Công văn số 1364/UBND-NĐ ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về xác nhận hạ tầng kỹ thuật của dự án Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng tại phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú.

- Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng (phần quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông).

- Công văn số 1412/UBND-NĐ ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về thực hiện hạ tầng Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và dân cư Tân Thắng tại phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú.

- Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng.

- Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú, tại một phần ô phố II.49 (A5, A6).

- Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Liên hợp Văn hóa thể thao và Dân cư Tân Thắng.

- Công văn số 364/HĐXD-QLDA ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình Khu chung cư A5 tại Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, quận Tân Phú.

- Công văn số 81/HĐXD-QLDA ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở Khu chung cư A6 tại Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, quận Tân Phú.

- Quyết định số GLHCMC/GĐO/1.01/LBF/QĐ/2020/187 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu chung cư A5 thuộc Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng tại quận Tân Phú.

- Công văn số 752/HĐXD-QLTK ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật Khu chung cư A5 tại Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, quận Tân Phú.

- Giấy phép xây dựng số 68/GPXD ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Sở Xây dựng về cấp giấy phép xây dựng cho Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) được phép xây dựng công trình Khu chung cư A5 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, quận Tân Phú.

- Quyết định số GLHCMC/PCMD/1.01/DOC/LBF/A5QĐ/2021/103 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công công trình Khu chung cư A5 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, phường Sơn kỳ, quận Tân Phú.

- Văn bản số 04/TĐTK-HKS ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Công ty TNHH thiết kế kiến trúc Hoàng Kim Sơn về thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình Khu chung cư A6 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng tại phường Sơn kỳ, quận Tân Phú.

- Quyết định số GLHCMC/PCMC/1.01/DOC/LBF/A6/2021/111 ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu chung cư A6 thuộc Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng tại quận Tân Phú.

- Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

- Giấy phép xây dựng số 92/GPXD ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Sở Xây dựng về cấp giấy phép xây dựng cho Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) được phép xây dựng công trình Khu chung cư A6 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, quận Tân Phú.

- Quyết định số GLHCMC/PCMD/1.01/LBF/A6/QĐ/2021/41 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) về việc phê duyệt thiết kế thi công công trình Khu chung cư A6 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú.

- Biên bản nghiệm thu số GLHCMC/A5.1/RICONS/HTGD/PHANNGAM/001 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và số A5.2.EPSW/FCS/CSI/POC/001 ngày 29 tháng 4 năm 2021 về nghiệm thu hoàn thành hạng mục kết cấu phần ngầm công trình Khu chung cư A5.

- Biên bản nghiệm thu số A6.EPSW/FCS/CSI/POC/001 ngày 24 tháng 12 năm 2021; số A6.EPSW/FCS/CSI/POC/002 ngày 28 tháng 02 năm 2022 và số A6.EPSW/FCS/CSI/POC/003 ngày 19 tháng 4 năm 2022 về nghiệm thu hoàn thành hạng mục kết cấu phần ngầm công trình Khu chung cư A6

- Thỏa thuận cấp bảo lãnh hạn mức số 0106/2020/TTBL ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam-Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cấp bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) với hạn mức bảo lãnh tối đa là 2.220 tỷ đồng với mục đích phát hành Thư bảo lãnh phục vụ hoạt động bán căn hộ chung cư tại dự án Khu A5, A6 và 02 block E&F của Khu chung cư A1 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng.

- Văn bản số HCM/000010/18 ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh về việc Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bảo lãnh số tiền 200 tỷ đồng nhằm bảo lãnh việc thực hiện Hợp đồng cho các quý khách hàng mua nhà tại dự án Celadon City được phát triển bởi Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC).

- Văn bản số GLHCMC/SPAD/1.01/DOC/ACCS/A5&A6-SP/2023/17 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) cam kết không thể chấp quyền sử dụng đất và căn hộ của Khu chung cư A5 và A6 thuộc dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, quận Tân Phú cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Sở Xây dựng.

- Văn bản số GLHCMC/SPAD/1.01/DOC/ACCS/A5&A6-SP/2023/24 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) về cam kết sẽ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Công ty tại các văn bản chấp thuận cấp bảo lãnh Ngân hàng của các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt

Nam và Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cũng như cam kết đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã mua căn hộ thuộc dự án A5, A6-Celadon City.

3. Về điều kiện của bất động sản hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh

Căn cứ quy định tại Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, các giấy tờ pháp lý nêu trên và đề nghị của Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) (*Văn bản số GLHCMC/SPAD/1.01/DOC/ACCS/A5&A6-SP/2023/17 ngày 10 tháng 4 năm 2023 đính kèm hồ sơ, tài liệu có liên quan*), Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

3.1. Nhà ở hình thành trong tương lai (gồm 160 căn hộ thuộc Khu chung cư A5 và 1.153 căn hộ thuộc Khu chung cư A6) trong dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thới, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú (*đính kèm Phụ lục 1, 2*) do Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) làm chủ đầu tư **phù hợp quy định về điều kiện của bất động sản hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014.**

3.2. Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Trường hợp sau khi Sở Xây dựng có văn bản thông báo về nhà ở hình thành trong tương lai phù hợp quy định về điều kiện của bất động sản hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 đối với 160 căn hộ thuộc Khu chung cư A5 và 1.153 căn hộ thuộc Khu chung cư A6 đã nêu tại điểm 3.1 nhưng chủ đầu tư không bán, cho thuê mua mà thực hiện thế chấp nhà ở này hoặc đăng ký biện pháp bảo đảm khác (như thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hình thức thế chấp khác) thì việc bán, cho thuê mua nhà ở này sau khi thế chấp chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện và có văn bản thông báo của Sở Xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

- Thực hiện việc thanh toán trong mua bán, thuê mua bất động sản hình thành trong tương lai được thực hiện nhiều lần, lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng, những lần tiếp theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng nhưng tổng số không quá 50% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao nhà cho khách hàng và không được thu quá 95% giá trị hợp đồng khi bên mua chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đảm bảo theo quy định tại Điều 57 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; phải sử dụng tiền ứng trước của khách hàng theo đúng mục đích đã cam kết.

- Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) (Bên được bảo lãnh) và Ngân hàng thương mại (Bên bảo lãnh) có đủ năng lực thực hiện bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai (theo danh sách công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã ký Hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai với chủ đầu tư

phải phát hành từng Thư bảo lãnh về việc Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên được bảo lãnh đối với khách hàng (Bên nhận bảo lãnh) khi chủ đầu tư không bàn giao nhà ở theo đúng tiến độ đã cam kết với khách hàng đối với từng bên mua/thuê mua nhà ở, đảm bảo theo quy định tại Điều 56 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; Điều 13 Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng và các quy định pháp luật khác có liên quan về bảo lãnh ngân hàng.

- Thực hiện những nội dung lưu ý của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng tại Công văn số 132/HĐXD-TK ngày 14 tháng 02 năm 2023 về hoán đổi vị trí cục nóng máy lạnh và ban công của khối nhà V2-V5 thuộc Khu chung cư A5 thuộc Khu Liên hợp Thể dục thể thao và Dân cư Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán nhà ở được quy định tại Điều 22 và khoản 2 Điều 54 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án nhà ở được quy định tại Luật Nhà ở, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác kèm quy định hướng dẫn thực hiện có liên quan.

- Công bố công khai thông tin của dự án theo quy định của Điều 6 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014, đặc biệt là các thông tin như: hợp đồng bảo lãnh, văn bản xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với nhà ở trong dự án phù hợp quy định về điều kiện của bất động sản hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh; các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có).

- Liên hệ Sở Xây dựng để được báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh thống nhất về số lượng, tỷ lệ nhà ở thương mại cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu trong dự án. Sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận mới đủ điều kiện bán hoặc cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đối với đối tượng tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Thực hiện chế độ cung cấp thông tin, dữ liệu về dự án bất động sản theo quy định tại khoản 9 Điều 18 Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, gửi về Sở Xây dựng để cập nhật, tổng hợp, theo dõi theo thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm Văn bản số GLHCMC/SPAD/1.01/DOC/ACCS/A5&A6-SP/2023/17 ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Văn bản số GLHCMC/SPAD/1.01/DOC/ACCS/A5&A6-SP/2023/24 ngày 04 tháng 5 năm 2023.

Sở Xây dựng thông báo đến Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC) biết và tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận: Ư

- Như trên;
- VP đăng ký đất đai Thành phố (để biết);
- NH Nhà nước Việt Nam-CN TP.HCM (để biết);
- UBND quận Tân Phú (để phối hợp và kiểm tra);
- NH TMCP Hàng hải Việt Nam-CN TP.HCM (để biết);
- NH TNHH MTV Public Việt Nam- CN TP.HCM (để biết);
- Ban Giám đốc Sở: GD, PGD Khiết (để báo cáo);
- Thanh tra Sở (để kiểm tra);
- Tổ CNTT-VPS (đăng Website);
- Lưu: VT, PTN&TTBĐS.

TTB phk

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Thanh Khiết







Phụ lục 1
DANH SÁCH 160 CĂN HỘ THUỘC KHU CHUNG CƯ A5
TRONG DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP THẺ DỤC THỂ THAO VÀ DÂN CƯ
TÂN THẮNG

(Đính kèm theo Công văn số **6351**./SXD-PTN&TTBĐS ngày **08** tháng **5** năm 2023
của Sở Xây dựng)

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	P1.3.12	Khối đế P1	N	3	
2	P1.3.17	Khối đế P1	G	3	
3	P1.3.25	Khối đế P1	C	3	
4	P1.3.30	Khối đế P1	N1	3	
5	P1.4.31	Khối đế P1	Na	4	
6	P1.4.33	Khối đế P1	H1	4	
7	P1.5.08	Khối đế P1	Nb	5	
8	P1.5.24	Khối đế P1	E2	5	
9	P1.5.33	Khối đế P1	H1a	5	
10	A1.6.10	Khối tháp A1	B5b	6	
11	A1.6.13	Khối tháp A1	A2	6	
12	A1.7.08	Khối tháp A1	A3	7	
13	A1.8.13	Khối tháp A1	A2b	8	
14	A1.9.08	Khối tháp A1	A3	9	
15	A1.10.10	Khối tháp A1	B5a	10	
16	A1.11.06	Khối tháp A1	A2b	11	
17	A1.11.10	Khối tháp A1	B5a	11	
18	A1.11.11	Khối tháp A1	B3a	11	
19	A1.12.07	Khối tháp A1	A2c	12	
20	A2.6.05	Khối tháp A2	B3b	6	
21	A2.6.08	Khối tháp A2	B1b	6	
22	A2.6.13	Khối tháp A2	B3b	6	
23	A2.6.14	Khối tháp A2	B1b	6	
24	A2.7.05	Khối tháp A2	B3a	7	
25	A2.7.16	Khối tháp A2	A3a	7	
26	A2.8.12	Khối tháp A2	A1	8	
27	A2.8.14	Khối tháp A2	A2b	8	
28	A2.10.03	Khối tháp A2	B3d	10	
29	A2.10.04	Khối tháp A2	A1	10	

Handwritten signature

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
30	A2.10.15	Khối tháp A2	A2c	10	
31	A2.12.06	Khối tháp A2	A2b	12	
32	A2.12.12	Khối tháp A2	A1	12	
33	A2.14.01	Khối tháp A2	B3a	14	
34	A2.14.04	Khối tháp A2	A1	14	
35	A2.14.06	Khối tháp A2	A2b	14	
36	A3.6.02	Khối tháp A3	B3b	6	
37	A3.6.04	Khối tháp A3	B3	6	
38	A3.6.05	Khối tháp A3	B5b	6	
39	A3.6.10	Khối tháp A3	B3b	6	
40	A3.6.12	Khối tháp A3	B3	6	
41	A3.6.13	Khối tháp A3	B5b	6	
42	A3.6.14	Khối tháp A3	B3c	6	
43	A3.7.01	Khối tháp A3	A3a	7	
44	A3.7.03	Khối tháp A3	A2b	7	
45	A3.7.06	Khối tháp A3	B3d	7	
46	A3.8.03	Khối tháp A3	A2b	8	
47	A3.9.08	Khối tháp A3	B3a	9	
48	A3.10.01	Khối tháp A3	A3a	10	
49	A3.10.08	Khối tháp A3	B3a	10	
50	A3.12.05	Khối tháp A3	A1	12	
51	A3.13.06	Khối tháp A3	B3d	13	
52	A4.6.05	Khối tháp A4	B5b	6	
53	A4.6.06	Khối tháp A4	B5	6	
54	A4.7.06	Khối tháp A4	B5c	7	
55	A4.8.04	Khối tháp A4	B3a	8	
56	A4.8.05	Khối tháp A4	B5a	8	
57	A4.8.06	Khối tháp A4	B5c	8	
58	A4.8.07	Khối tháp A4	A3	8	
59	A4.8.11	Khối tháp A4	B3a	8	
60	A4.9.04	Khối tháp A4	B3a	9	
61	A4.9.05	Khối tháp A4	B5a	9	
62	A4.9.06	Khối tháp A4	B5c	9	
63	A4.11.09	Khối tháp A4	A2b	11	
64	A4.11.12	Khối tháp A4	B5a	11	
65	A4.14.01	Khối tháp A4	A2c	14	
66	A4.14.04	Khối tháp A4	B3a	14	
67	A4.14.13	Khối tháp A4	B5c	14	
68	B1.2.08	Khối nhà B1	A1-A	2	
69	B1.3.12	Khối nhà B1	B1-Aa	3	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
70	B1.4.10	Khối nhà B1	B1-Ab	4	
71	B1.5.10	Khối nhà B1	B1-Ab	5	
72	B1.5.13	Khối nhà B1	B1-Ab	5	
73	B1.9.12	Khối nhà B1	B1-Aa	9	
74	B1.10.12	Khối nhà B1	B1-Aa	10	
75	B1.11.01	Khối nhà B1	A2-Bb	11	
76	B1.12.08	Khối nhà B1	A1-A	12	
77	B1.14.01	Khối nhà B1	A2-Bb	14	
78	B1.14.05	Khối nhà B1	B2a	14	
79	B1.14.08	Khối nhà B1	A2-Bb	14	
80	B1.14.10	Khối nhà B1	B1-Aa	14	
81	B1.14.11	Khối nhà B1	B1-Aa	14	
82	B2.1.03	Khối nhà B2	B1-Ab	1	
83	B2.1.06	Khối nhà B2	B1-Ab	1	
84	B2.1.10	Khối nhà B2	B2b	1	
85	B2.3.01	Khối nhà B2	A2-Bb	3	
86	B2.3.08	Khối nhà B2	A2-A	3	
87	B2.3.09	Khối nhà B2	B1-Ba	3	
88	B2.4.04	Khối nhà B2	B2a	4	
89	B2.4.06	Khối nhà B2	B1-Ab	4	
90	B2.5.09	Khối nhà B2	B1-Ba	5	
91	B2.9.05	Khối nhà B2	B2a	9	
92	B2.9.10	Khối nhà B2	B2b	9	
93	B2.10.02	Khối nhà B2	A1-B	10	
94	B2.10.11	Khối nhà B2	B1-Aa	10	
95	B2.10.12	Khối nhà B2	B1-Aa	10	
96	B2.12.06	Khối nhà B2	B1-Ab	12	
97	B2.13.05	Khối nhà B2	B2a	13	
98	B3.1.03	Khối nhà B3	B1-Aa	1	
99	B3.1.12	Khối nhà B3	A2-Ba	1	
100	B3.2.02	Khối nhà B3	B1-Aa	2	
101	B3.4.10	Khối nhà B3	B2b	4	
102	B3.5.13	Khối nhà B3	A2-Ba	5	
103	B3.6.09	Khối nhà B3	B2a	6	
104	B3.8.01	Khối nhà B3	B2c	8	
105	B3.8.04	Khối nhà B3	B2c	8	
106	B3.8.10	Khối nhà B3	B2b	8	
107	B3.9.03	Khối nhà B3	B1-Aa	9	
108	B3.10.13	Khối nhà B3	A2-Ba	10	
109	B3.11.05	Khối nhà B3	A2-Bb	11	

C.N.VI
Ồ
DỰN
HỒ C

[Handwritten signature]

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
110	B3.14.04	Khối nhà B3	B2c	14	
111	B3.14.08	Khối nhà B3	B2a	14	
112	V1.01	Khối nhà V1	A-fp		căn hộ thông tầng (tầng 1 đến tầng 5)
113	V1.06	Khối nhà V1	B-fp		
114	V1.10	Khối nhà V1	A-fp		
115	V2.03	Khối nhà V2	B-fp		
116	V2.05	Khối nhà V2	B-fp		
117	V2.06	Khối nhà V2	B-fp		
118	V2.10	Khối nhà V2	B-fp		
119	V2.12	Khối nhà V2	A-fp		
120	V3.03	Khối nhà V3	B-fp		
121	V3.04	Khối nhà V3	B-fp		
122	V3.10	Khối nhà V3	B-fp		
123	V4.01	Khối nhà V4	A-fp		
124	V4.02	Khối nhà V4	B-fp		
125	V5.01	Khối nhà V5	A-fp		
126	V5.02	Khối nhà V5	B-fp		
127	V5.03	Khối nhà V5	B-fp		
128	V5.04	Khối nhà V5	B-fp		
129	V5.05	Khối nhà V5	B-fp		
130	V5.06	Khối nhà V5	B-fp		
131	V5.07	Khối nhà V5	B-fp		
132	V5.08	Khối nhà V5	B-fp		
133	V5.09	Khối nhà V5	B-fp		
134	V5.10	Khối nhà V5	B-fp		
135	V5.11	Khối nhà V5	B-fp		
136	V6.07	Khối nhà V6	C-fp		
137	V6.10	Khối nhà V6	D-fp		
138	V7.01	Khối nhà V7	D-fp		
139	V7.02	Khối nhà V7	C-fp		
140	V7.03	Khối nhà V7	C-fp		
141	V7.04	Khối nhà V7	C-fp		
142	V7.05	Khối nhà V7	C-fp		
143	V7.06	Khối nhà V7	C-fp		
144	V7.07	Khối nhà V7	C-fp		
145	V7.08	Khối nhà V7	C-fp		
146	V7.09	Khối nhà V7	C-fp		
147	V7.10	Khối nhà V7	D-fp		
148	V8.01	Khối nhà V8	D-fp		
149	V8.02	Khối nhà V8	C-fp		

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
150	V8.03	Khối nhà V8	C-fp		căn hộ thông tầng (tầng 1 đến tầng 5)
151	V8.06	Khối nhà V8	C-fp		
152	V8.07	Khối nhà V8	C-fp		
153	V8.09	Khối nhà V8	D-fp		
154	V9.02	Khối nhà V9	C-fp		
155	V9.03	Khối nhà V9	C-fp		
156	V9.04	Khối nhà V9	C-fp		
157	V9.05	Khối nhà V9	C-fp		
158	V9.07	Khối nhà V9	C-fp		
159	V9.09	Khối nhà V9	C-fp		
160	V9.10	Khối nhà V9	C1-fp		

* Ghi chú:

Cột số (2): Ký hiệu căn hộ; Cột số (3): Tên khối nhà; Cột số (4): Loại căn hộ, được lấy theo bản vẽ được thẩm định kèm Công văn số 752/HĐXD-QLTK ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng-Bộ Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật



Phụ lục 2

**DANH SÁCH 1.153 CĂN HỘ THUỘC KHU CHUNG CƯ A6 TRONG DỰ ÁN
KHU LIÊN HỢP THỂ DỤC THỂ THAO VÀ DÂN CƯ TÂN THẮNG**

(Đính kèm theo Công văn số**6351** /SXD-PTN&TTBDS ngày **08**. tháng **5**.. năm 2023
của Sở Xây dựng)

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	P2.3.01	Khối đế P2	E	3	
2	P2.3.02	Khối đế P2	C	3	
3	P2.3.03	Khối đế P2	B	3	
4	P2.3.04	Khối đế P2	D	3	
5	P2.3.05	Khối đế P2	G	3	
6	P2.3.06	Khối đế P2	I	3	
7	P2.3.07	Khối đế P2	K	3	
8	P2.3.08	Khối đế P2	L	3	
9	P2.3.09	Khối đế P2	L	3	
10	P2.3.10	Khối đế P2	K	3	
11	P2.3.11	Khối đế P2	K	3	
12	P2.3.12	Khối đế P2	F	3	
13	P2.3.13	Khối đế P2	H	3	
14	P2.3.14	Khối đế P2	A	3	
15	P2.3.15	Khối đế P2	J	3	
16	P2.3.16	Khối đế P2	J	3	
17	P2.3.17	Khối đế P2	A	3	
18	P2.3.18	Khối đế P2	H	3	
19	P2.3.19	Khối đế P2	F	3	
20	P2.3.20	Khối đế P2	K	3	
21	P2.3.21	Khối đế P2	K	3	
22	P2.3.22	Khối đế P2	L	3	
23	P2.3.23	Khối đế P2	L	3	
24	P2.3.24	Khối đế P2	K	3	
25	P2.3.25	Khối đế P2	I	3	
26	P2.3.26	Khối đế P2	G	3	
27	P2.3.27	Khối đế P2	D	3	
28	P2.3.28	Khối đế P2	B	3	
29	P2.3.29	Khối đế P2	C	3	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
30	P2.3.30	Khối đế P2	E	3	
31	P2.4.01	Khối đế P2	E	4	
32	P2.4.02	Khối đế P2	C1	4	
33	P2.4.03	Khối đế P2	B1	4	
34	P2.4.04	Khối đế P2	D1	4	
35	P2.4.05	Khối đế P2	G1	4	
36	P2.4.06	Khối đế P2	I1	4	
37	P2.4.07	Khối đế P2	K1	4	
38	P2.4.08	Khối đế P2	L1	4	
39	P2.4.09	Khối đế P2	L1	4	
40	P2.4.10	Khối đế P2	K1	4	
41	P2.4.11	Khối đế P2	K1	4	
42	P2.4.12	Khối đế P2	F1	4	
43	P2.4.13	Khối đế P2	H1	4	
44	P2.4.14	Khối đế P2	A1	4	
45	P2.4.15	Khối đế P2	J1	4	
46	P2.4.16	Khối đế P2	J1	4	
47	P2.4.17	Khối đế P2	A1	4	
48	P2.4.18	Khối đế P2	H1	4	
49	P2.4.19	Khối đế P2	F1	4	
50	P2.4.20	Khối đế P2	K1	4	
51	P2.4.21	Khối đế P2	K1	4	
52	P2.4.22	Khối đế P2	L1	4	
53	P2.4.23	Khối đế P2	L1	4	
54	P2.4.24	Khối đế P2	K1	4	
55	P2.4.25	Khối đế P2	I1	4	
56	P2.4.26	Khối đế P2	G1	4	
57	P2.4.27	Khối đế P2	D1	4	
58	P2.4.28	Khối đế P2	B1	4	
59	P2.4.29	Khối đế P2	C1	4	
60	P2.4.30	Khối đế P2	E	4	
61	P2.5.01	Khối đế P2	Ea	5	
62	P2.5.02	Khối đế P2	C1a	5	
63	P2.5.03	Khối đế P2	B2	5	
64	P2.5.04	Khối đế P2	D2	5	
65	P2.5.05	Khối đế P2	G2	5	
66	P2.5.06	Khối đế P2	I1a	5	
67	P2.5.07	Khối đế P2	K1a	5	
68	P2.5.08	Khối đế P2	L1a	5	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
69	P2.5.09	Khối đế P2	L1a	5	
70	P2.5.10	Khối đế P2	K1a	5	
71	P2.5.11	Khối đế P2	K1a	5	
72	P2.5.12	Khối đế P2	F2	5	
73	P2.5.13	Khối đế P2	H1a	5	
74	P2.5.14	Khối đế P2	A1a	5	
75	P2.5.15	Khối đế P2	J1a	5	
76	P2.5.16	Khối đế P2	J1a	5	
77	P2.5.17	Khối đế P2	A1a	5	
78	P2.5.18	Khối đế P2	H1a	5	
79	P2.5.19	Khối đế P2	F2	5	
80	P2.5.20	Khối đế P2	K1a	5	
81	P2.5.21	Khối đế P2	K1a	5	
82	P2.5.22	Khối đế P2	L1a	5	
83	P2.5.23	Khối đế P2	L1a	5	
84	P2.5.24	Khối đế P2	K1a	5	
85	P2.5.25	Khối đế P2	I1a	5	
86	P2.5.26	Khối đế P2	G2	5	
87	P2.5.27	Khối đế P2	D2	5	
88	P2.5.28	Khối đế P2	B2	5	
89	P2.5.29	Khối đế P2	C1a	5	
90	P2.5.30	Khối đế P2	Ea	5	
91	A5.6.01	Khối tháp A5	B1	6	
92	A5.6.02	Khối tháp A5	B3b	6	
93	A5.6.03	Khối tháp A5	B2a	6	
94	A5.6.04	Khối tháp A5	B3b	6	
95	A5.6.05	Khối tháp A5	B2a	6	
96	A5.6.06	Khối tháp A5	B6	6	
97	A5.6.07	Khối tháp A5	B3a	6	
98	A5.6.08	Khối tháp A5	B4a	6	
99	A5.6.09	Khối tháp A5	B3b	6	
100	A5.6.10	Khối tháp A5	B2a	6	
101	A5.6.11	Khối tháp A5	B3b	6	
102	A5.6.12	Khối tháp A5	B2a	6	
103	A5.6.13	Khối tháp A5	B3b	6	
104	A5.7.01	Khối tháp A5	A2	7	
105	A5.7.02	Khối tháp A5	A1	7	
106	A5.7.03	Khối tháp A5	B3	7	
107	A5.7.04	Khối tháp A5	B2	7	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
108	A5.7.05	Khối tháp A5	B3	7	
109	A5.7.06	Khối tháp A5	B2	7	
110	A5.7.07	Khối tháp A5	B3	7	
111	A5.7.08	Khối tháp A5	B3	7	
112	A5.7.09	Khối tháp A5	B4	7	
113	A5.7.10	Khối tháp A5	B3	7	
114	A5.7.11	Khối tháp A5	B2	7	
115	A5.7.12	Khối tháp A5	B3	7	
116	A5.7.13	Khối tháp A5	B2	7	
117	A5.7.14	Khối tháp A5	B3	7	
118	A5.8.01	Khối tháp A5	A2	8	
119	A5.8.02	Khối tháp A5	A1	8	
120	A5.8.03	Khối tháp A5	B3	8	
121	A5.8.04	Khối tháp A5	B2	8	
122	A5.8.05	Khối tháp A5	B3	8	
123	A5.8.06	Khối tháp A5	B2	8	
124	A5.8.07	Khối tháp A5	B3	8	
125	A5.8.08	Khối tháp A5	B3	8	
126	A5.8.09	Khối tháp A5	B4	8	
127	A5.8.10	Khối tháp A5	B3	8	
128	A5.8.11	Khối tháp A5	B2	8	
129	A5.8.12	Khối tháp A5	B3	8	
130	A5.8.13	Khối tháp A5	B2	8	
131	A5.8.14	Khối tháp A5	B3	8	
132	A5.9.01	Khối tháp A5	A2	9	
133	A5.9.02	Khối tháp A5	A1	9	
134	A5.9.03	Khối tháp A5	B3	9	
135	A5.9.04	Khối tháp A5	B2	9	
136	A5.9.05	Khối tháp A5	B3	9	
137	A5.9.06	Khối tháp A5	B2	9	
138	A5.9.07	Khối tháp A5	B3	9	
139	A5.9.08	Khối tháp A5	B3	9	
140	A5.9.09	Khối tháp A5	B4	9	
141	A5.9.10	Khối tháp A5	B3	9	
142	A5.9.11	Khối tháp A5	B2	9	
143	A5.9.12	Khối tháp A5	B3	9	
144	A5.9.13	Khối tháp A5	B2	9	
145	A5.9.14	Khối tháp A5	B3	9	
146	A5.10.01	Khối tháp A5	A2	10	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
147	A5.10.02	Khối tháp A5	A1	10	
148	A5.10.03	Khối tháp A5	B3	10	
149	A5.10.04	Khối tháp A5	B2	10	
150	A5.10.05	Khối tháp A5	B3	10	
151	A5.10.06	Khối tháp A5	B2	10	
152	A5.10.07	Khối tháp A5	B3	10	
153	A5.10.08	Khối tháp A5	B3	10	
154	A5.10.09	Khối tháp A5	B4	10	
155	A5.10.10	Khối tháp A5	B3	10	
156	A5.10.11	Khối tháp A5	B2	10	
157	A5.10.12	Khối tháp A5	B3	10	
158	A5.10.13	Khối tháp A5	B2	10	
159	A5.10.14	Khối tháp A5	B3	10	
160	A5.12.01	Khối tháp A5	A2	12	
161	A5.12.02	Khối tháp A5	A1	12	
162	A5.12.03	Khối tháp A5	B3	12	
163	A5.12.04	Khối tháp A5	B2	12	
164	A5.12.05	Khối tháp A5	B3	12	
165	A5.12.06	Khối tháp A5	B2	12	
166	A5.12.07	Khối tháp A5	B3	12	
167	A5.12.08	Khối tháp A5	B3	12	
168	A5.12.09	Khối tháp A5	B4	12	
169	A5.12.10	Khối tháp A5	B3	12	
170	A5.12.11	Khối tháp A5	B2	12	
171	A5.12.12	Khối tháp A5	B3	12	
172	A5.12.13	Khối tháp A5	B2	12	
173	A5.12.14	Khối tháp A5	B3	12	
174	A5.13.01	Khối tháp A5	A2	13	
175	A5.13.02	Khối tháp A5	A1	13	
176	A5.13.03	Khối tháp A5	B3	13	
177	A5.13.04	Khối tháp A5	B2	13	
178	A5.13.05	Khối tháp A5	B3	13	
179	A5.13.06	Khối tháp A5	B2	13	
180	A5.13.07	Khối tháp A5	B3	13	
181	A5.13.08	Khối tháp A5	B3	13	
182	A5.13.09	Khối tháp A5	B4	13	
183	A5.13.10	Khối tháp A5	B3	13	
184	A5.13.11	Khối tháp A5	B2	13	
185	A5.13.12	Khối tháp A5	B3	13	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
186	A5.13.13	Khối tháp A5	B2	13	
187	A5.13.14	Khối tháp A5	B3	13	
188	A5.14.01	Khối tháp A5	A2	14	
189	A5.14.02	Khối tháp A5	A1	14	
190	A5.14.03	Khối tháp A5	B3	14	
191	A5.14.04	Khối tháp A5	B2	14	
192	A5.14.05	Khối tháp A5	B3	14	
193	A5.14.06	Khối tháp A5	B2	14	
194	A5.14.07	Khối tháp A5	B3	14	
195	A5.14.08	Khối tháp A5	B3	14	
196	A5.14.09	Khối tháp A5	B4	14	
197	A5.14.10	Khối tháp A5	B3	14	
198	A5.14.11	Khối tháp A5	B2	14	
199	A5.14.12	Khối tháp A5	B3	14	
200	A5.14.13	Khối tháp A5	B2	14	
201	A5.14.14	Khối tháp A5	B3	14	
202	A6.6.01	Khối tháp A6	A3	6	
203	A6.6.02	Khối tháp A6	B4a	6	
204	A6.6.03	Khối tháp A6	B3b	6	
205	A6.6.04	Khối tháp A6	B2a	6	
206	A6.6.05	Khối tháp A6	B5	6	
207	A6.6.06	Khối tháp A6	B2a	6	
208	A6.6.07	Khối tháp A6	B2c	6	
209	A6.6.08	Khối tháp A6	B3b	6	
210	A6.7.01	Khối tháp A6	A3a	7	
211	A6.7.02	Khối tháp A6	B4	7	
212	A6.7.03	Khối tháp A6	B3	7	
213	A6.7.04	Khối tháp A6	B2	7	
214	A6.7.05	Khối tháp A6	B2b	7	
215	A6.7.06	Khối tháp A6	A1	7	
216	A6.7.07	Khối tháp A6	A2	7	
217	A6.7.08	Khối tháp A6	B2	7	
218	A6.7.09	Khối tháp A6	B2b	7	
219	A6.7.10	Khối tháp A6	B3	7	
220	A6.8.01	Khối tháp A6	A3a	8	
221	A6.8.02	Khối tháp A6	B4	8	
222	A6.8.03	Khối tháp A6	B3	8	
223	A6.8.04	Khối tháp A6	B2	8	
224	A6.8.05	Khối tháp A6	B2b	8	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
225	A6.8.06	Khối tháp A6	A1	8	
226	A6.8.07	Khối tháp A6	A2	8	
227	A6.8.08	Khối tháp A6	B2	8	
228	A6.8.09	Khối tháp A6	B2b	8	
229	A6.8.10	Khối tháp A6	B3	8	
230	A6.9.01	Khối tháp A6	A3a	9	
231	A6.9.02	Khối tháp A6	B4	9	
232	A6.9.03	Khối tháp A6	B3	9	
233	A6.9.04	Khối tháp A6	B2	9	
234	A6.9.05	Khối tháp A6	B2b	9	
235	A6.9.06	Khối tháp A6	A1	9	
236	A6.9.07	Khối tháp A6	A2	9	
237	A6.9.08	Khối tháp A6	B2	9	
238	A6.9.09	Khối tháp A6	B2b	9	
239	A6.9.10	Khối tháp A6	B3	9	
240	A6.10.01	Khối tháp A6	A3a	10	
241	A6.10.02	Khối tháp A6	B4	10	
242	A6.10.03	Khối tháp A6	B3	10	
243	A6.10.04	Khối tháp A6	B2	10	
244	A6.10.05	Khối tháp A6	B2b	10	
245	A6.10.06	Khối tháp A6	A1	10	
246	A6.10.07	Khối tháp A6	A2	10	
247	A6.10.08	Khối tháp A6	B2	10	
248	A6.10.09	Khối tháp A6	B2b	10	
249	A6.10.10	Khối tháp A6	B3	10	
250	A6.11.01	Khối tháp A6	A3a	11	
251	A6.11.02	Khối tháp A6	B4	11	
252	A6.11.03	Khối tháp A6	B3	11	
253	A6.11.04	Khối tháp A6	B2	11	
254	A6.11.05	Khối tháp A6	B2b	11	
255	A6.11.06	Khối tháp A6	A1	11	
256	A6.11.07	Khối tháp A6	A2	11	
257	A6.11.08	Khối tháp A6	B2	11	
258	A6.11.09	Khối tháp A6	B2b	11	
259	A6.11.10	Khối tháp A6	B3	11	
260	A6.12.01	Khối tháp A6	A3a	12	
261	A6.12.02	Khối tháp A6	B4	12	
262	A6.12.03	Khối tháp A6	B3	12	
263	A6.12.04	Khối tháp A6	B2	12	



Ph

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
264	A6.12.05	Khối tháp A6	B2b	12	
265	A6.12.06	Khối tháp A6	A1	12	
266	A6.12.07	Khối tháp A6	A2	12	
267	A6.12.08	Khối tháp A6	B2	12	
268	A6.12.09	Khối tháp A6	B2b	12	
269	A6.12.10	Khối tháp A6	B3	12	
270	A6.13.01	Khối tháp A6	A3a	13	
271	A6.13.02	Khối tháp A6	B4	13	
272	A6.13.03	Khối tháp A6	B3	13	
273	A6.13.04	Khối tháp A6	B2	13	
274	A6.13.05	Khối tháp A6	B2b	13	
275	A6.13.06	Khối tháp A6	A1	13	
276	A6.13.07	Khối tháp A6	A2	13	
277	A6.13.08	Khối tháp A6	B2	13	
278	A6.13.09	Khối tháp A6	B2b	13	
279	A6.13.10	Khối tháp A6	B3	13	
280	A6.14.01	Khối tháp A6	A3a	14	
281	A6.14.02	Khối tháp A6	B4	14	
282	A6.14.03	Khối tháp A6	B3	14	
283	A6.14.04	Khối tháp A6	B2	14	
284	A6.14.05	Khối tháp A6	B2b	14	
285	A6.14.06	Khối tháp A6	A1	14	
286	A6.14.07	Khối tháp A6	A2	14	
287	A6.14.08	Khối tháp A6	B2	14	
288	A6.14.09	Khối tháp A6	B2b	14	
289	A6.14.10	Khối tháp A6	B3	14	
290	A7.6.01	Khối tháp A7	B3b	6	
291	A7.6.02	Khối tháp A7	B2c	6	
292	A7.6.03	Khối tháp A7	B2a	6	
293	A7.6.04	Khối tháp A7	B5	6	
294	A7.6.05	Khối tháp A7	B2a	6	
295	A7.6.06	Khối tháp A7	B3b	6	
296	A7.6.07	Khối tháp A7	B4a	6	
297	A7.6.08	Khối tháp A7	A3	6	
298	A7.7.01	Khối tháp A7	B3	7	
299	A7.7.02	Khối tháp A7	B2b	7	
300	A7.7.03	Khối tháp A7	B2	7	
301	A7.7.04	Khối tháp A7	A2	7	
302	A7.7.05	Khối tháp A7	A1	7	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
303	A7.7.06	Khối tháp A7	B2b	7	
304	A7.7.07	Khối tháp A7	B2	7	
305	A7.7.08	Khối tháp A7	B3	7	
306	A7.7.09	Khối tháp A7	B4	7	
307	A7.7.10	Khối tháp A7	A3a	7	
308	A7.8.01	Khối tháp A7	B3	8	
309	A7.8.02	Khối tháp A7	B2b	8	
310	A7.8.03	Khối tháp A7	B2	8	
311	A7.8.04	Khối tháp A7	A2	8	
312	A7.8.05	Khối tháp A7	A1	8	
313	A7.8.06	Khối tháp A7	B2b	8	
314	A7.8.07	Khối tháp A7	B2	8	
315	A7.8.08	Khối tháp A7	B3	8	
316	A7.8.09	Khối tháp A7	B4	8	
317	A7.8.10	Khối tháp A7	A3a	8	
318	A7.9.01	Khối tháp A7	B3	9	
319	A7.9.02	Khối tháp A7	B2b	9	
320	A7.9.03	Khối tháp A7	B2	9	
321	A7.9.04	Khối tháp A7	A2	9	
322	A7.9.05	Khối tháp A7	A1	9	
323	A7.9.06	Khối tháp A7	B2b	9	
324	A7.9.07	Khối tháp A7	B2	9	
325	A7.9.08	Khối tháp A7	B3	9	
326	A7.9.09	Khối tháp A7	B4	9	
327	A7.9.10	Khối tháp A7	A3a	9	
328	A7.10.01	Khối tháp A7	B3	10	
329	A7.10.02	Khối tháp A7	B2b	10	
330	A7.10.03	Khối tháp A7	B2	10	
331	A7.10.04	Khối tháp A7	A2	10	
332	A7.10.05	Khối tháp A7	A1	10	
333	A7.10.06	Khối tháp A7	B2b	10	
334	A7.10.07	Khối tháp A7	B2	10	
335	A7.10.08	Khối tháp A7	B3	10	
336	A7.10.09	Khối tháp A7	B4	10	
337	A7.10.10	Khối tháp A7	A3a	10	
338	A7.11.01	Khối tháp A7	B3	11	
339	A7.11.02	Khối tháp A7	B2b	11	
340	A7.11.03	Khối tháp A7	B2	11	
341	A7.11.04	Khối tháp A7	A2	11	

Handwritten signature

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
342	A7.11.05	Khối tháp A7	A1	11	
343	A7.11.06	Khối tháp A7	B2b	11	
344	A7.11.07	Khối tháp A7	B2	11	
345	A7.11.08	Khối tháp A7	B3	11	
346	A7.11.09	Khối tháp A7	B4	11	
347	A7.11.10	Khối tháp A7	A3a	11	
348	A7.12.01	Khối tháp A7	B3	12	
349	A7.12.02	Khối tháp A7	B2b	12	
350	A7.12.03	Khối tháp A7	B2	12	
351	A7.12.04	Khối tháp A7	A2	12	
352	A7.12.05	Khối tháp A7	A1	12	
353	A7.12.06	Khối tháp A7	B2b	12	
354	A7.12.07	Khối tháp A7	B2	12	
355	A7.12.08	Khối tháp A7	B3	12	
356	A7.12.09	Khối tháp A7	B4	12	
357	A7.12.10	Khối tháp A7	A3a	12	
358	A7.13.01	Khối tháp A7	B3	13	
359	A7.13.02	Khối tháp A7	B2b	13	
360	A7.13.03	Khối tháp A7	B2	13	
361	A7.13.04	Khối tháp A7	A2	13	
362	A7.13.05	Khối tháp A7	A1	13	
363	A7.13.06	Khối tháp A7	B2b	13	
364	A7.13.07	Khối tháp A7	B2	13	
365	A7.13.08	Khối tháp A7	B3	13	
366	A7.13.09	Khối tháp A7	B4	13	
367	A7.13.10	Khối tháp A7	A3a	13	
368	A7.14.01	Khối tháp A7	B3	14	
369	A7.14.02	Khối tháp A7	B2b	14	
370	A7.14.03	Khối tháp A7	B2	14	
371	A7.14.04	Khối tháp A7	A2	14	
372	A7.14.05	Khối tháp A7	A1	14	
373	A7.14.06	Khối tháp A7	B2b	14	
374	A7.14.07	Khối tháp A7	B2	14	
375	A7.14.08	Khối tháp A7	B3	14	
376	A7.14.09	Khối tháp A7	B4	14	
377	A7.14.10	Khối tháp A7	A3a	14	
378	A8.6.01	Khối tháp A8	B3b	6	
379	A8.6.02	Khối tháp A8	B2a	6	
380	A8.6.03	Khối tháp A8	B3b	6	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
381	A8.6.04	Khối tháp A8	B2a	6	
382	A8.6.05	Khối tháp A8	B3b	6	
383	A8.6.06	Khối tháp A8	B4a	6	
384	A8.6.07	Khối tháp A8	B3a	6	
385	A8.6.08	Khối tháp A8	B6	6	
386	A8.6.09	Khối tháp A8	B2a	6	
387	A8.6.10	Khối tháp A8	B3b	6	
388	A8.6.11	Khối tháp A8	B2a	6	
389	A8.6.12	Khối tháp A8	B3b	6	
390	A8.6.13	Khối tháp A8	B1	6	
391	A8.7.01	Khối tháp A8	B3	7	
392	A8.7.02	Khối tháp A8	B2	7	
393	A8.7.03	Khối tháp A8	B3	7	
394	A8.7.04	Khối tháp A8	B2	7	
395	A8.7.05	Khối tháp A8	B3	7	
396	A8.7.06	Khối tháp A8	B4	7	
397	A8.7.07	Khối tháp A8	B3	7	
398	A8.7.08	Khối tháp A8	B3	7	
399	A8.7.09	Khối tháp A8	B2	7	
400	A8.7.10	Khối tháp A8	B3	7	
401	A8.7.11	Khối tháp A8	B2	7	
402	A8.7.12	Khối tháp A8	B3	7	
403	A8.7.13	Khối tháp A8	A1	7	
404	A8.7.14	Khối tháp A8	A2	7	
405	A8.8.01	Khối tháp A8	B3	8	
406	A8.8.02	Khối tháp A8	B2	8	
407	A8.8.03	Khối tháp A8	B3	8	
408	A8.8.04	Khối tháp A8	B2	8	
409	A8.8.05	Khối tháp A8	B3	8	
410	A8.8.06	Khối tháp A8	B4	8	
411	A8.8.07	Khối tháp A8	B3	8	
412	A8.8.08	Khối tháp A8	B3	8	
413	A8.8.09	Khối tháp A8	B2	8	
414	A8.8.10	Khối tháp A8	B3	8	
415	A8.8.11	Khối tháp A8	B2	8	
416	A8.8.12	Khối tháp A8	B3	8	
417	A8.8.13	Khối tháp A8	A1	8	
418	A8.8.14	Khối tháp A8	A2	8	
419	A8.9.01	Khối tháp A8	B3	9	



Ph

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
420	A8.9.02	Khối tháp A8	B2	9	
421	A8.9.03	Khối tháp A8	B3	9	
422	A8.9.04	Khối tháp A8	B2	9	
423	A8.9.05	Khối tháp A8	B3	9	
424	A8.9.06	Khối tháp A8	B4	9	
425	A8.9.07	Khối tháp A8	B3	9	
426	A8.9.08	Khối tháp A8	B3	9	
427	A8.9.09	Khối tháp A8	B2	9	
428	A8.9.10	Khối tháp A8	B3	9	
429	A8.9.11	Khối tháp A8	B2	9	
430	A8.9.12	Khối tháp A8	B3	9	
431	A8.9.13	Khối tháp A8	A1	9	
432	A8.9.14	Khối tháp A8	A2	9	
433	A8.10.01	Khối tháp A8	B3	10	
434	A8.10.02	Khối tháp A8	B2	10	
435	A8.10.03	Khối tháp A8	B3	10	
436	A8.10.04	Khối tháp A8	B2	10	
437	A8.10.05	Khối tháp A8	B3	10	
438	A8.10.06	Khối tháp A8	B4	10	
439	A8.10.07	Khối tháp A8	B3	10	
440	A8.10.08	Khối tháp A8	B3	10	
441	A8.10.09	Khối tháp A8	B2	10	
442	A8.10.10	Khối tháp A8	B3	10	
443	A8.10.11	Khối tháp A8	B2	10	
444	A8.10.12	Khối tháp A8	B3	10	
445	A8.10.13	Khối tháp A8	A1	10	
446	A8.10.14	Khối tháp A8	A2	10	
447	A8.11.01	Khối tháp A8	B3	11	
448	A8.11.02	Khối tháp A8	B2	11	
449	A8.11.03	Khối tháp A8	B3	11	
450	A8.11.04	Khối tháp A8	B2	11	
451	A8.11.05	Khối tháp A8	B3	11	
452	A8.11.06	Khối tháp A8	B4	11	
453	A8.11.07	Khối tháp A8	B3	11	
454	A8.11.08	Khối tháp A8	B3	11	
455	A8.11.09	Khối tháp A8	B2	11	
456	A8.11.10	Khối tháp A8	B3	11	
457	A8.11.11	Khối tháp A8	B2	11	
458	A8.11.12	Khối tháp A8	B3	11	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
459	A8.11.13	Khối tháp A8	A1	11	
460	A8.11.14	Khối tháp A8	A2	11	
461	A8.12.01	Khối tháp A8	B3	12	
462	A8.12.02	Khối tháp A8	B2	12	
463	A8.12.03	Khối tháp A8	B3	12	
464	A8.12.04	Khối tháp A8	B2	12	
465	A8.12.05	Khối tháp A8	B3	12	
466	A8.12.06	Khối tháp A8	B4	12	
467	A8.12.07	Khối tháp A8	B3	12	
468	A8.12.08	Khối tháp A8	B3	12	
469	A8.12.09	Khối tháp A8	B2	12	
470	A8.12.10	Khối tháp A8	B3	12	
471	A8.12.11	Khối tháp A8	B2	12	
472	A8.12.12	Khối tháp A8	B3	12	
473	A8.12.13	Khối tháp A8	A1	12	
474	A8.12.14	Khối tháp A8	A2	12	
475	A8.13.01	Khối tháp A8	B3	13	
476	A8.13.02	Khối tháp A8	B2	13	
477	A8.13.03	Khối tháp A8	B3	13	
478	A8.13.04	Khối tháp A8	B2	13	
479	A8.13.05	Khối tháp A8	B3	13	
480	A8.13.06	Khối tháp A8	B4	13	
481	A8.13.07	Khối tháp A8	B3	13	
482	A8.13.08	Khối tháp A8	B3	13	
483	A8.13.09	Khối tháp A8	B2	13	
484	A8.13.10	Khối tháp A8	B3	13	
485	A8.13.11	Khối tháp A8	B2	13	
486	A8.13.12	Khối tháp A8	B3	13	
487	A8.13.13	Khối tháp A8	A1	13	
488	A8.13.14	Khối tháp A8	A2	13	
489	A8.14.01	Khối tháp A8	B3	14	
490	A8.14.02	Khối tháp A8	B2	14	
491	A8.14.03	Khối tháp A8	B3	14	
492	A8.14.04	Khối tháp A8	B2	14	
493	A8.14.05	Khối tháp A8	B3	14	
494	A8.14.06	Khối tháp A8	B4	14	
495	A8.14.07	Khối tháp A8	B3	14	
496	A8.14.08	Khối tháp A8	B3	14	
497	A8.14.09	Khối tháp A8	B2	14	



ĐK

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
498	A8.14.10	Khối tháp A8	B3	14	
499	A8.14.11	Khối tháp A8	B2	14	
500	A8.14.12	Khối tháp A8	B3	14	
501	A8.14.13	Khối tháp A8	A1	14	
502	A8.14.14	Khối tháp A8	A2	14	
503	C1.1.01	Khối nhà C1	B2	1	
504	C1.1.02	Khối nhà C1	B3	1	
505	C1.1.03	Khối nhà C1	A (Duplex)	1&2	căn hộ duplex
506	C1.1.04	Khối nhà C1	C	1	
507	C1.1.05	Khối nhà C1	C	1	
508	C1.1.06	Khối nhà C1	C	1	
509	C1.1.07	Khối nhà C1	C	1	
510	C1.1.08	Khối nhà C1	C1	1	
511	C1.1.09	Khối nhà C1	B3	1	
512	C1.1.10	Khối nhà C1	B2	1	
513	C1.2.01	Khối nhà C1	B2	2	
514	C1.2.02	Khối nhà C1	B3	2	
515	C1.2.03	Khối nhà C1	C	2	
516	C1.2.04	Khối nhà C1	C	2	
517	C1.2.05	Khối nhà C1	C	2	
518	C1.2.06	Khối nhà C1	C	2	
519	C1.2.07	Khối nhà C1	C1	2	
520	C1.2.08	Khối nhà C1	B3	2	
521	C1.2.09	Khối nhà C1	B2	2	
522	C1.3.01	Khối nhà C1	B2	3	
523	C1.3.02	Khối nhà C1	B3	3	
524	C1.3.03	Khối nhà C1	A (Duplex)	3&4	căn hộ duplex
525	C1.3.04	Khối nhà C1	C	3	
526	C1.3.05	Khối nhà C1	C	3	
527	C1.3.06	Khối nhà C1	C	3	
528	C1.3.07	Khối nhà C1	C	3	
529	C1.3.08	Khối nhà C1	C1	3	
530	C1.3.09	Khối nhà C1	B3	3	
531	C1.3.10	Khối nhà C1	B2	3	
532	C1.4.01	Khối nhà C1	B2	4	
533	C1.4.02	Khối nhà C1	B3	4	
534	C1.4.03	Khối nhà C1	C	4	
535	C1.4.04	Khối nhà C1	C	4	
536	C1.4.05	Khối nhà C1	C	4	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
537	C1.4.06	Khối nhà C1	C	4	
538	C1.4.07	Khối nhà C1	C1	4	
539	C1.4.08	Khối nhà C1	B3	4	
540	C1.4.09	Khối nhà C1	B2	4	
541	C1.5.01	Khối nhà C1	B2	5	
542	C1.5.02	Khối nhà C1	B3	5	
543	C1.5.03	Khối nhà C1	A (Duplex)	5&6	căn hộ duplex
544	C1.5.04	Khối nhà C1	C	5	
545	C1.5.05	Khối nhà C1	C	5	
546	C1.5.06	Khối nhà C1	C	5	
547	C1.5.07	Khối nhà C1	C	5	
548	C1.5.08	Khối nhà C1	C1	5	
549	C1.5.09	Khối nhà C1	B3	5	
550	C1.5.10	Khối nhà C1	B2	5	
551	C1.6.01	Khối nhà C1	B2	6	
552	C1.6.02	Khối nhà C1	B3	6	
553	C1.6.03	Khối nhà C1	C	6	
554	C1.6.04	Khối nhà C1	C	6	
555	C1.6.05	Khối nhà C1	C	6	
556	C1.6.06	Khối nhà C1	C	6	
557	C1.6.07	Khối nhà C1	C1	6	
558	C1.6.08	Khối nhà C1	B3	6	
559	C1.6.09	Khối nhà C1	B2	6	
560	C1.7.01	Khối nhà C1	B2	7	
561	C1.7.02	Khối nhà C1	B3	7	
562	C1.7.03	Khối nhà C1	A (Duplex)	7&8	căn hộ duplex
563	C1.7.04	Khối nhà C1	C	7	
564	C1.7.05	Khối nhà C1	C	7	
565	C1.7.06	Khối nhà C1	C	7	
566	C1.7.07	Khối nhà C1	C	7	
567	C1.7.08	Khối nhà C1	C1	7	
568	C1.7.09	Khối nhà C1	B3	7	
569	C1.7.10	Khối nhà C1	B2	7	
570	C1.10.01	Khối nhà C1	B2	10	
571	C1.10.02	Khối nhà C1	B3	10	
572	C1.10.03	Khối nhà C1	C	10	
573	C1.10.04	Khối nhà C1	C	10	
574	C1.10.05	Khối nhà C1	C	10	
575	C1.10.06	Khối nhà C1	C	10	



hach

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
576	C1.10.07	Khối nhà C1	C1	10	
577	C1.10.08	Khối nhà C1	B3	10	
578	C1.10.09	Khối nhà C1	B2	10	
579	C1.11.01	Khối nhà C1	B2	11	
580	C1.11.02	Khối nhà C1	B3	11	
581	C1.11.03	Khối nhà C1	A (Duplex)	11&12	căn hộ duplex
582	C1.11.04	Khối nhà C1	C	11	
583	C1.11.05	Khối nhà C1	C	11	
584	C1.11.06	Khối nhà C1	C	11	
585	C1.11.07	Khối nhà C1	C	11	
586	C1.11.08	Khối nhà C1	C1	11	
587	C1.11.09	Khối nhà C1	B3	11	
588	C1.11.10	Khối nhà C1	B2	11	
589	C1.12.01	Khối nhà C1	B2	12	
590	C1.12.02	Khối nhà C1	B3	12	
591	C1.12.03	Khối nhà C1	E (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
592	C1.12.04	Khối nhà C1	C	12	s
593	C1.12.05	Khối nhà C1	C	12	
594	C1.12.06	Khối nhà C1	C	12	
595	C1.12.07	Khối nhà C1	C1	12	
596	C1.12.08	Khối nhà C1	B3	12	
597	C1.12.09	Khối nhà C1	B2	12	
598	C1.13.01	Khối nhà C1	B2	13	
599	C1.13.02	Khối nhà C1	B3	13	
600	C1.13.03	Khối nhà C1	F1 (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
601	C1.13.04	Khối nhà C1	D (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
602	C1.13.05	Khối nhà C1	D1 (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
603	C1.13.06	Khối nhà C1	B3	13	
604	C1.13.07	Khối nhà C1	B2	13	
605	C2.1.01	Khối nhà C2	B1	1	
606	C2.1.02	Khối nhà C2	C	1	
607	C2.1.03	Khối nhà C2	C	1	
608	C2.1.04	Khối nhà C2	C	1	
609	C2.1.05	Khối nhà C2	C	1	
610	C2.1.06	Khối nhà C2	C1	1	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
611	C2.1.07	Khối nhà C2	B3	1	
612	C2.1.08	Khối nhà C2	B2	1	
613	C2.2.01	Khối nhà C2	B1	2	
614	C2.2.02	Khối nhà C2	C	2	
615	C2.2.03	Khối nhà C2	C	2	
616	C2.2.04	Khối nhà C2	C	2	
617	C2.2.05	Khối nhà C2	C	2	
618	C2.2.06	Khối nhà C2	C1	2	
619	C2.2.07	Khối nhà C2	B3	2	
620	C2.2.08	Khối nhà C2	B2	2	
621	C2.3.01	Khối nhà C2	B1	3	
622	C2.3.02	Khối nhà C2	C1	3	
623	C2.3.03	Khối nhà C2	C1	3	
624	C2.3.04	Khối nhà C2	C	3	
625	C2.3.05	Khối nhà C2	C	3	
626	C2.3.06	Khối nhà C2	C	3	
627	C2.3.07	Khối nhà C2	C	3	
628	C2.3.08	Khối nhà C2	C1	3	
629	C2.3.09	Khối nhà C2	B3	3	
630	C2.3.10	Khối nhà C2	B2	3	
631	C2.4.01	Khối nhà C2	B1	4	
632	C2.4.02	Khối nhà C2	C1	4	
633	C2.4.03	Khối nhà C2	C1	4	
634	C2.4.04	Khối nhà C2	C	4	
635	C2.4.05	Khối nhà C2	C	4	
636	C2.4.06	Khối nhà C2	C	4	
637	C2.4.07	Khối nhà C2	C	4	
638	C2.4.08	Khối nhà C2	C1	4	
639	C2.4.09	Khối nhà C2	B3	4	
640	C2.4.10	Khối nhà C2	B2	4	
641	C2.5.01	Khối nhà C2	B1	5	
642	C2.5.02	Khối nhà C2	C1	5	
643	C2.5.03	Khối nhà C2	C1	5	
644	C2.5.04	Khối nhà C2	C	5	
645	C2.5.05	Khối nhà C2	C	5	
646	C2.5.06	Khối nhà C2	C	5	
647	C2.5.07	Khối nhà C2	C	5	
648	C2.5.08	Khối nhà C2	C1	5	
649	C2.5.09	Khối nhà C2	B3	5	



Phk

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
650	C2.5.10	Khối nhà C2	B2	5	
651	C2.6.01	Khối nhà C2	B1	6	
652	C2.6.02	Khối nhà C2	C1	6	
653	C2.6.03	Khối nhà C2	C1	6	
654	C2.6.04	Khối nhà C2	C	6	
655	C2.6.05	Khối nhà C2	C	6	
656	C2.6.06	Khối nhà C2	C	6	
657	C2.6.07	Khối nhà C2	C	6	
658	C2.6.08	Khối nhà C2	C1	6	
659	C2.6.09	Khối nhà C2	B3	6	
660	C2.6.10	Khối nhà C2	B2	6	
661	C2.7.01	Khối nhà C2	B1	7	
662	C2.7.02	Khối nhà C2	C1	7	
663	C2.7.03	Khối nhà C2	C1	7	
664	C2.7.04	Khối nhà C2	C	7	
665	C2.7.05	Khối nhà C2	C	7	
666	C2.7.06	Khối nhà C2	C	7	
667	C2.7.07	Khối nhà C2	C	7	
668	C2.7.08	Khối nhà C2	C1	7	
669	C2.7.09	Khối nhà C2	B3	7	
670	C2.7.10	Khối nhà C2	B2	7	
671	C2.10.01	Khối nhà C2	B1	10	
672	C2.10.02	Khối nhà C2	C1	10	
673	C2.10.03	Khối nhà C2	C1	10	
674	C2.10.04	Khối nhà C2	C	10	
675	C2.10.05	Khối nhà C2	C	10	
676	C2.10.06	Khối nhà C2	C	10	
677	C2.10.07	Khối nhà C2	C	10	
678	C2.10.08	Khối nhà C2	C1	10	
679	C2.10.09	Khối nhà C2	B3	10	
680	C2.10.10	Khối nhà C2	B2	10	
681	C2.11.01	Khối nhà C2	B1	11	
682	C2.11.02	Khối nhà C2	C1	11	
683	C2.11.03	Khối nhà C2	C1	11	
684	C2.11.04	Khối nhà C2	C	11	
685	C2.11.05	Khối nhà C2	C	11	
686	C2.11.06	Khối nhà C2	C	11	
687	C2.11.07	Khối nhà C2	C	11	
688	C2.11.08	Khối nhà C2	C1	11	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
689	C2.11.09	Khối nhà C2	B3	11	
690	C2.11.10	Khối nhà C2	B2	11	
691	C2.12.01	Khối nhà C2	B1	12	
692	C2.12.02	Khối nhà C2	C1	12	
693	C2.12.03	Khối nhà C2	C1	12	
694	C2.12.04	Khối nhà C2	C	12	
695	C2.12.05	Khối nhà C2	C	12	
696	C2.12.06	Khối nhà C2	C	12	
697	C2.12.07	Khối nhà C2	C	12	
698	C2.12.08	Khối nhà C2	C1	12	
699	C2.12.09	Khối nhà C2	B3	12	
700	C2.12.10	Khối nhà C2	B2	12	
701	C2.13.01	Khối nhà C2	B1	13	
702	C2.13.02	Khối nhà C2	C1	13	
703	C2.13.03	Khối nhà C2	C1	13	
704	C2.13.04	Khối nhà C2	E (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
705	C2.13.05	Khối nhà C2	C	13	
706	C2.13.06	Khối nhà C2	F (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
707	C2.13.07	Khối nhà C2	C	13	
708	C2.13.08	Khối nhà C2	B3	13	
709	C2.13.09	Khối nhà C2	B2	13	
710	C3.1.01	Khối nhà C3	B	1	
711	C3.1.02	Khối nhà C3	B2	1	
712	C3.1.03	Khối nhà C3	B3	1	
713	C3.1.04	Khối nhà C3	C	1	
714	C3.1.05	Khối nhà C3	C	1	
715	C3.1.06	Khối nhà C3	C	1	
716	C3.1.07	Khối nhà C3	C	1	
717	C3.1.08	Khối nhà C3	C	1	
718	C3.1.09	Khối nhà C3	B2	1	
719	C3.2.01	Khối nhà C3	B	2	
720	C3.2.02	Khối nhà C3	B2	2	
721	C3.2.03	Khối nhà C3	B3	2	
722	C3.2.04	Khối nhà C3	C	2	
723	C3.2.05	Khối nhà C3	C	2	
724	C3.2.06	Khối nhà C3	C	2	
725	C3.2.07	Khối nhà C3	C	2	

Phải

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
726	C3.2.08	Khối nhà C3	C	2	
727	C3.2.09	Khối nhà C3	B2	2	
728	C3.3.01	Khối nhà C3	B	3	
729	C3.3.02	Khối nhà C3	B2	3	
730	C3.3.03	Khối nhà C3	B3	3	
731	C3.3.04	Khối nhà C3	C	3	
732	C3.3.05	Khối nhà C3	C	3	
733	C3.3.06	Khối nhà C3	C	3	
734	C3.3.07	Khối nhà C3	C	3	
735	C3.3.08	Khối nhà C3	C	3	
736	C3.3.09	Khối nhà C3	C1	3	
737	C3.3.10	Khối nhà C3	B2	3	
738	C3.4.01	Khối nhà C3	B	4	
739	C3.4.02	Khối nhà C3	B2	4	
740	C3.4.03	Khối nhà C3	B3	4	
741	C3.4.04	Khối nhà C3	C	4	
742	C3.4.05	Khối nhà C3	C	4	
743	C3.4.06	Khối nhà C3	C	4	
744	C3.4.07	Khối nhà C3	C	4	
745	C3.4.08	Khối nhà C3	C	4	
746	C3.4.09	Khối nhà C3	C1	4	
747	C3.4.10	Khối nhà C3	B3	4	
748	C3.4.11	Khối nhà C3	B2	4	
749	C3.5.01	Khối nhà C3	B	5	
750	C3.5.02	Khối nhà C3	B2	5	
751	C3.5.03	Khối nhà C3	B3	5	
752	C3.5.04	Khối nhà C3	C	5	
753	C3.5.05	Khối nhà C3	C	5	
754	C3.5.06	Khối nhà C3	C	5	
755	C3.5.07	Khối nhà C3	C	5	
756	C3.5.08	Khối nhà C3	C	5	
757	C3.5.09	Khối nhà C3	C1	5	
758	C3.5.10	Khối nhà C3	B3	5	
759	C3.5.11	Khối nhà C3	B2	5	
760	C3.6.01	Khối nhà C3	B	6	
761	C3.6.02	Khối nhà C3	B2	6	
762	C3.6.03	Khối nhà C3	B3	6	
763	C3.6.04	Khối nhà C3	C	6	
764	C3.6.05	Khối nhà C3	C	6	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
765	C3.6.06	Khối nhà C3	C	6	
766	C3.6.07	Khối nhà C3	C	6	
767	C3.6.08	Khối nhà C3	C	6	
768	C3.6.09	Khối nhà C3	C1	6	
769	C3.6.10	Khối nhà C3	B3	6	
770	C3.6.11	Khối nhà C3	B2	6	
771	C3.7.01	Khối nhà C3	B	7	
772	C3.7.02	Khối nhà C3	B2	7	
773	C3.7.03	Khối nhà C3	B3	7	
774	C3.7.04	Khối nhà C3	C	7	
775	C3.7.05	Khối nhà C3	C	7	
776	C3.7.06	Khối nhà C3	C	7	
777	C3.7.07	Khối nhà C3	C	7	
778	C3.7.08	Khối nhà C3	C	7	
779	C3.7.09	Khối nhà C3	C1	7	
780	C3.7.10	Khối nhà C3	B3	7	
781	C3.7.11	Khối nhà C3	B2	7	
782	C3.10.01	Khối nhà C3	B	10	
783	C3.10.02	Khối nhà C3	B2	10	
784	C3.10.03	Khối nhà C3	B3	10	
785	C3.10.04	Khối nhà C3	C	10	
786	C3.10.05	Khối nhà C3	C	10	
787	C3.10.06	Khối nhà C3	C	10	
788	C3.10.07	Khối nhà C3	C	10	
789	C3.10.08	Khối nhà C3	C	10	
790	C3.10.09	Khối nhà C3	C1	10	
791	C3.10.10	Khối nhà C3	B3	10	
792	C3.10.11	Khối nhà C3	B2	10	
793	C3.11.01	Khối nhà C3	B	11	
794	C3.11.02	Khối nhà C3	B2	11	
795	C3.11.03	Khối nhà C3	B3	11	
796	C3.11.04	Khối nhà C3	C	11	
797	C3.11.05	Khối nhà C3	C	11	
798	C3.11.06	Khối nhà C3	C	11	
799	C3.11.07	Khối nhà C3	C	11	
800	C3.11.08	Khối nhà C3	C	11	
801	C3.11.09	Khối nhà C3	C1	11	
802	C3.11.10	Khối nhà C3	B3	11	
803	C3.11.11	Khối nhà C3	B2	11	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
804	C3.12.01	Khối nhà C3	B	12	
805	C3.12.02	Khối nhà C3	B2	12	
806	C3.12.03	Khối nhà C3	B3	12	
807	C3.12.04	Khối nhà C3	F (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
808	C3.12.05	Khối nhà C3	C	12	
809	C3.12.06	Khối nhà C3	E (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
810	C3.12.07	Khối nhà C3	E (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
811	C3.12.08	Khối nhà C3	C	12	
812	C3.12.09	Khối nhà C3	F2 (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
813	C3.12.10	Khối nhà C3	B3	12	
814	C3.12.11	Khối nhà C3	B2	12	
815	C4.1.01	Khối nhà C4	B2	1	
816	C4.1.02	Khối nhà C4	C	1	
817	C4.1.03	Khối nhà C4	C	1	
818	C4.1.04	Khối nhà C4	C	1	
819	C4.1.05	Khối nhà C4	C	1	
820	C4.1.06	Khối nhà C4	C	1	
821	C4.1.07	Khối nhà C4	B3	1	
822	C4.1.08	Khối nhà C4	B2	1	
823	C4.1.09	Khối nhà C4	B	1	
824	C4.2.01	Khối nhà C4	B2	2	
825	C4.2.02	Khối nhà C4	C	2	
826	C4.2.03	Khối nhà C4	C	2	
827	C4.2.04	Khối nhà C4	C	2	
828	C4.2.05	Khối nhà C4	C	2	
829	C4.2.06	Khối nhà C4	C	2	
830	C4.2.07	Khối nhà C4	B3	2	
831	C4.2.08	Khối nhà C4	B2	2	
832	C4.2.09	Khối nhà C4	B	2	
833	C4.3.01	Khối nhà C4	B2	3	
834	C4.3.02	Khối nhà C4	C1	3	
835	C4.3.03	Khối nhà C4	C	3	
836	C4.3.04	Khối nhà C4	C	3	
837	C4.3.05	Khối nhà C4	C	3	
838	C4.3.06	Khối nhà C4	C	3	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
839	C4.3.07	Khối nhà C4	C	3	
840	C4.3.08	Khối nhà C4	B3	3	
841	C4.3.09	Khối nhà C4	B2	3	
842	C4.3.10	Khối nhà C4	B	3	
843	C4.4.01	Khối nhà C4	B2	4	
844	C4.4.02	Khối nhà C4	B3	4	
845	C4.4.03	Khối nhà C4	C1	4	
846	C4.4.04	Khối nhà C4	C	4	
847	C4.4.05	Khối nhà C4	C	4	
848	C4.4.06	Khối nhà C4	C	4	
849	C4.4.07	Khối nhà C4	C	4	
850	C4.4.08	Khối nhà C4	C	4	
851	C4.4.09	Khối nhà C4	B3	4	
852	C4.4.10	Khối nhà C4	B2	4	
853	C4.4.11	Khối nhà C4	B	4	
854	C4.5.01	Khối nhà C4	B2	5	
855	C4.5.02	Khối nhà C4	B3	5	
856	C4.5.03	Khối nhà C4	C1	5	
857	C4.5.04	Khối nhà C4	C	5	
858	C4.5.05	Khối nhà C4	C	5	
859	C4.5.06	Khối nhà C4	C	5	
860	C4.5.07	Khối nhà C4	C	5	
861	C4.5.08	Khối nhà C4	C	5	
862	C4.5.09	Khối nhà C4	B3	5	
863	C4.5.10	Khối nhà C4	B2	5	
864	C4.5.11	Khối nhà C4	B	5	
865	C4.6.01	Khối nhà C4	B2	6	
866	C4.6.02	Khối nhà C4	B3	6	
867	C4.6.03	Khối nhà C4	C1	6	
868	C4.6.04	Khối nhà C4	C	6	
869	C4.6.05	Khối nhà C4	C	6	
870	C4.6.06	Khối nhà C4	C	6	
871	C4.6.07	Khối nhà C4	C	6	
872	C4.6.08	Khối nhà C4	C	6	
873	C4.6.09	Khối nhà C4	B3	6	
874	C4.6.10	Khối nhà C4	B2	6	
875	C4.6.11	Khối nhà C4	B	6	
876	C4.7.01	Khối nhà C4	B2	7	
877	C4.7.02	Khối nhà C4	B3	7	



Đkk

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
878	C4.7.03	Khối nhà C4	C1	7	
879	C4.7.04	Khối nhà C4	C	7	
880	C4.7.05	Khối nhà C4	C	7	
881	C4.7.06	Khối nhà C4	C	7	
882	C4.7.07	Khối nhà C4	C	7	
883	C4.7.08	Khối nhà C4	C	7	
884	C4.7.09	Khối nhà C4	B3	7	
885	C4.7.10	Khối nhà C4	B2	7	
886	C4.7.11	Khối nhà C4	B	7	
887	C4.9.05	Khối nhà C4	C	9	
888	C4.9.06	Khối nhà C4	C	9	
889	C4.9.07	Khối nhà C4	C	9	
890	C4.9.08	Khối nhà C4	C	9	
891	C4.9.09	Khối nhà C4	B3	9	
892	C4.9.10	Khối nhà C4	B2	9	
893	C4.9.11	Khối nhà C4	B	9	
894	C4.10.01	Khối nhà C4	B2	10	
895	C4.10.02	Khối nhà C4	B3	10	
896	C4.10.03	Khối nhà C4	C1	10	
897	C4.10.04	Khối nhà C4	C	10	
898	C4.10.05	Khối nhà C4	C	10	
899	C4.10.06	Khối nhà C4	C	10	
900	C4.10.07	Khối nhà C4	C	10	
901	C4.10.08	Khối nhà C4	C	10	
902	C4.10.09	Khối nhà C4	B3	10	
903	C4.10.10	Khối nhà C4	B2	10	
904	C4.10.11	Khối nhà C4	B	10	
905	C4.11.01	Khối nhà C4	B2	11	
906	C4.11.02	Khối nhà C4	B3	11	
907	C4.11.03	Khối nhà C4	C1	11	
908	C4.11.04	Khối nhà C4	C	11	
909	C4.11.05	Khối nhà C4	C	11	
910	C4.11.06	Khối nhà C4	C	11	
911	C4.11.07	Khối nhà C4	C	11	
912	C4.11.08	Khối nhà C4	C	11	
913	C4.11.09	Khối nhà C4	B3	11	
914	C4.11.10	Khối nhà C4	B2	11	
915	C4.11.11	Khối nhà C4	B	11	
916	C4.12.01	Khối nhà C4	B2	12	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
917	C4.12.02	Khối nhà C4	B3	12	
918	C4.12.03	Khối nhà C4	F2 (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
919	C4.12.04	Khối nhà C4	C	12	
920	C4.12.05	Khối nhà C4	E (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
921	C4.12.06	Khối nhà C4	E (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
922	C4.12.07	Khối nhà C4	C	12	
923	C4.12.08	Khối nhà C4	F (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
924	C4.12.09	Khối nhà C4	B3	12	
925	C4.12.10	Khối nhà C4	B2	12	
926	C4.12.11	Khối nhà C4	B	12	
927	C5.1.01	Khối nhà C5	B2	1	
928	C5.1.02	Khối nhà C5	B3	1	
929	C5.1.03	Khối nhà C5	C1	1	
930	C5.1.04	Khối nhà C5	C	1	
931	C5.1.05	Khối nhà C5	C	1	
932	C5.1.06	Khối nhà C5	C	1	
933	C5.1.07	Khối nhà C5	C	1	
934	C5.1.08	Khối nhà C5	B1	1	
935	C5.2.01	Khối nhà C5	B2	2	
936	C5.2.02	Khối nhà C5	B3	2	
937	C5.2.03	Khối nhà C5	C1	2	
938	C5.2.04	Khối nhà C5	C	2	
939	C5.2.05	Khối nhà C5	C	2	
940	C5.2.06	Khối nhà C5	C	2	
941	C5.2.07	Khối nhà C5	C	2	
942	C5.2.08	Khối nhà C5	B1	2	
943	C5.3.01	Khối nhà C5	B2	3	
944	C5.3.02	Khối nhà C5	B3	3	
945	C5.3.03	Khối nhà C5	C1	3	
946	C5.3.04	Khối nhà C5	C	3	
947	C5.3.05	Khối nhà C5	C	3	
948	C5.3.06	Khối nhà C5	C	3	
949	C5.3.07	Khối nhà C5	C	3	
950	C5.3.08	Khối nhà C5	C1	3	
951	C5.3.09	Khối nhà C5	C1	3	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
952	C5.3.10	Khối nhà C5	B1	3	
953	C5.4.01	Khối nhà C5	B2	4	
954	C5.4.02	Khối nhà C5	B3	4	
955	C5.4.03	Khối nhà C5	C1	4	
956	C5.4.04	Khối nhà C5	C	4	
957	C5.4.05	Khối nhà C5	C	4	
958	C5.4.06	Khối nhà C5	C	4	
959	C5.4.07	Khối nhà C5	C	4	
960	C5.4.08	Khối nhà C5	C1	4	
961	C5.4.09	Khối nhà C5	C1	4	
962	C5.4.10	Khối nhà C5	B1	4	
963	C5.5.01	Khối nhà C5	B2	5	
964	C5.5.02	Khối nhà C5	B3	5	
965	C5.5.03	Khối nhà C5	C1	5	
966	C5.5.04	Khối nhà C5	C	5	
967	C5.5.05	Khối nhà C5	C	5	
968	C5.5.06	Khối nhà C5	C	5	
969	C5.5.07	Khối nhà C5	C	5	
970	C5.5.08	Khối nhà C5	C1	5	
971	C5.5.09	Khối nhà C5	C1	5	
972	C5.5.10	Khối nhà C5	B1	5	
973	C5.6.01	Khối nhà C5	B2	6	
974	C5.6.02	Khối nhà C5	B3	6	
975	C5.6.03	Khối nhà C5	C1	6	
976	C5.6.04	Khối nhà C5	C	6	
977	C5.6.05	Khối nhà C5	C	6	
978	C5.6.06	Khối nhà C5	C	6	
979	C5.6.07	Khối nhà C5	C	6	
980	C5.6.08	Khối nhà C5	C1	6	
981	C5.6.09	Khối nhà C5	C1	6	
982	C5.6.10	Khối nhà C5	B1	6	
983	C5.7.01	Khối nhà C5	B2	7	
984	C5.7.02	Khối nhà C5	B3	7	
985	C5.7.03	Khối nhà C5	C1	7	
986	C5.7.04	Khối nhà C5	C	7	
987	C5.7.05	Khối nhà C5	C	7	
988	C5.7.06	Khối nhà C5	C	7	
989	C5.7.07	Khối nhà C5	C	7	
990	C5.7.08	Khối nhà C5	C1	7	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
991	C5.7.09	Khối nhà C5	C1	7	
992	C5.7.10	Khối nhà C5	B1	7	
993	C5.9.01	Khối nhà C5	B2	9	
994	C5.9.02	Khối nhà C5	B3	9	
995	C5.9.03	Khối nhà C5	C1	9	
996	C5.9.04	Khối nhà C5	C	9	
997	C5.9.05	Khối nhà C5	C	9	
998	C5.9.06	Khối nhà C5	C	9	
999	C5.9.07	Khối nhà C5	C	9	
1000	C5.9.08	Khối nhà C5	C1	9	
1001	C5.9.09	Khối nhà C5	C1	9	
1002	C5.9.10	Khối nhà C5	B1	9	
1003	C5.10.01	Khối nhà C5	B2	10	
1004	C5.10.02	Khối nhà C5	B3	10	
1005	C5.10.03	Khối nhà C5	C1	10	
1006	C5.10.04	Khối nhà C5	C	10	
1007	C5.10.05	Khối nhà C5	C	10	
1008	C5.10.06	Khối nhà C5	C	10	
1009	C5.10.07	Khối nhà C5	C	10	
1010	C5.10.08	Khối nhà C5	C1	10	
1011	C5.10.09	Khối nhà C5	C1	10	
1012	C5.10.10	Khối nhà C5	B1	10	
1013	C5.11.01	Khối nhà C5	B2	11	
1014	C5.11.02	Khối nhà C5	B3	11	
1015	C5.11.03	Khối nhà C5	C1	11	
1016	C5.11.04	Khối nhà C5	C	11	
1017	C5.11.05	Khối nhà C5	C	11	
1018	C5.11.06	Khối nhà C5	C	11	
1019	C5.11.07	Khối nhà C5	C	11	
1020	C5.11.08	Khối nhà C5	C1	11	
1021	C5.11.09	Khối nhà C5	C1	11	
1022	C5.11.10	Khối nhà C5	B1	11	
1023	C5.12.01	Khối nhà C5	B2	12	
1024	C5.12.02	Khối nhà C5	B3	12	
1025	C5.12.03	Khối nhà C5	C1	12	
1026	C5.12.04	Khối nhà C5	C	12	
1027	C5.12.05	Khối nhà C5	C	12	
1028	C5.12.06	Khối nhà C5	C	12	
1029	C5.12.07	Khối nhà C5	C	12	

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1030	C5.12.08	Khối nhà C5	C1	12	
1031	C5.12.09	Khối nhà C5	C1	12	
1032	C5.12.10	Khối nhà C5	B1	12	
1033	C5.13.01	Khối nhà C5	B2	13	
1034	C5.13.02	Khối nhà C5	B3	13	
1035	C5.13.03	Khối nhà C5	C	13	
1036	C5.13.04	Khối nhà C5	F (penthouse)	13	căn hộ penthouse
1037	C5.13.05	Khối nhà C5	C	13	
1038	C5.13.06	Khối nhà C5	E (penthouse)	13	căn hộ penthouse
1039	C5.13.07	Khối nhà C5	C1	13	
1040	C5.13.08	Khối nhà C5	C1	13	
1041	C5.13.09	Khối nhà C5	B1	13	
1042	C6.1.01	Khối nhà C6	B2	1	
1043	C6.1.02	Khối nhà C6	B3	1	
1044	C6.1.03	Khối nhà C6	C1	1	
1045	C6.1.04	Khối nhà C6	C	1	
1046	C6.1.05	Khối nhà C6	C	1	
1047	C6.1.06	Khối nhà C6	C	1	
1048	C6.1.07	Khối nhà C6	C	1	
1049	C6.1.08	Khối nhà C6	A (Duplex)	1&2	căn hộ duplex
1050	C6.1.09	Khối nhà C6	B3	1	
1051	C6.1.10	Khối nhà C6	B2	1	
1052	C6.2.01	Khối nhà C6	B2	2	
1053	C6.2.02	Khối nhà C6	B3	2	
1054	C6.2.03	Khối nhà C6	C1	2	
1055	C6.2.04	Khối nhà C6	C	2	
1056	C6.2.05	Khối nhà C6	C	2	
1057	C6.2.06	Khối nhà C6	C	2	
1058	C6.2.07	Khối nhà C6	C	2	
1059	C6.2.08	Khối nhà C6	B3	2	
1060	C6.2.09	Khối nhà C6	B2	2	
1061	C6.3.01	Khối nhà C6	B2	3	
1062	C6.3.02	Khối nhà C6	B3	3	
1063	C6.3.03	Khối nhà C6	C1	3	
1064	C6.3.04	Khối nhà C6	C	3	
1065	C6.3.05	Khối nhà C6	C	3	

Phu

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1066	C6.3.06	Khối nhà C6	C	3	
1067	C6.3.07	Khối nhà C6	C	3	
1068	C6.3.08	Khối nhà C6	A (Duplex)	3&4	căn hộ duplex
1069	C6.3.09	Khối nhà C6	B3	3	
1070	C6.3.10	Khối nhà C6	B2	3	
1071	C6.4.01	Khối nhà C6	B2	4	
1072	C6.4.02	Khối nhà C6	B3	4	
1073	C6.4.03	Khối nhà C6	C1	4	
1074	C6.4.04	Khối nhà C6	C	4	
1075	C6.4.05	Khối nhà C6	C	4	
1076	C6.4.06	Khối nhà C6	C	4	
1077	C6.4.07	Khối nhà C6	C	4	
1078	C6.4.08	Khối nhà C6	B3	4	
1079	C6.4.09	Khối nhà C6	B2	4	
1080	C6.5.01	Khối nhà C6	B2	5	
1081	C6.5.02	Khối nhà C6	B3	5	
1082	C6.5.03	Khối nhà C6	C1	5	
1083	C6.5.04	Khối nhà C6	C	5	
1084	C6.5.05	Khối nhà C6	C	5	
1085	C6.5.06	Khối nhà C6	C	5	
1086	C6.5.07	Khối nhà C6	C	5	
1087	C6.5.08	Khối nhà C6	A (Duplex)	5&6	căn hộ duplex
1088	C6.5.09	Khối nhà C6	B3	5	
1089	C6.5.10	Khối nhà C6	B2	5	
1090	C6.6.01	Khối nhà C6	B2	6	
1091	C6.6.02	Khối nhà C6	B3	6	
1092	C6.6.03	Khối nhà C6	C1	6	
1093	C6.6.04	Khối nhà C6	C	6	
1094	C6.6.05	Khối nhà C6	C	6	
1095	C6.6.06	Khối nhà C6	C	6	
1096	C6.6.07	Khối nhà C6	C	6	
1097	C6.6.08	Khối nhà C6	B3	6	
1098	C6.6.09	Khối nhà C6	B2	6	
1099	C6.7.01	Khối nhà C6	B2	7	
1100	C6.7.02	Khối nhà C6	B3	7	
1101	C6.7.03	Khối nhà C6	C1	7	
1102	C6.7.04	Khối nhà C6	C	7	

Handwritten signature

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1103	C6.7.05	Khối nhà C6	C	7	
1104	C6.7.06	Khối nhà C6	C	7	
1105	C6.7.07	Khối nhà C6	C	7	
1106	C6.7.08	Khối nhà C6	A (Duplex)	7&8	căn hộ duplex
1107	C6.7.09	Khối nhà C6	B3	7	
1108	C6.7.10	Khối nhà C6	B2	7	
1109	C6.9.01	Khối nhà C6	B2	9	
1110	C6.9.02	Khối nhà C6	B3	9	
1111	C6.9.03	Khối nhà C6	C1	9	
1112	C6.9.04	Khối nhà C6	C	9	
1113	C6.9.05	Khối nhà C6	C	9	
1114	C6.9.06	Khối nhà C6	C	9	
1115	C6.9.07	Khối nhà C6	C	9	
1116	C6.9.08	Khối nhà C6	A (Duplex)	9&10	căn hộ duplex
1117	C6.9.09	Khối nhà C6	B3	9	
1118	C6.9.10	Khối nhà C6	B2	9	
1119	C6.10.01	Khối nhà C6	B2	10	
1120	C6.10.02	Khối nhà C6	B3	10	
1121	C6.10.03	Khối nhà C6	C1	10	
1122	C6.10.04	Khối nhà C6	C	10	
1123	C6.10.05	Khối nhà C6	C	10	
1124	C6.10.06	Khối nhà C6	C	10	
1125	C6.10.07	Khối nhà C6	C	10	
1126	C6.10.08	Khối nhà C6	B3	10	
1127	C6.10.09	Khối nhà C6	B2	10	
1128	C6.11.01	Khối nhà C6	B2	11	
1129	C6.11.02	Khối nhà C6	B3	11	
1130	C6.11.03	Khối nhà C6	C1	11	
1131	C6.11.04	Khối nhà C6	C	11	
1132	C6.11.05	Khối nhà C6	C	11	
1133	C6.11.06	Khối nhà C6	C	11	
1134	C6.11.07	Khối nhà C6	C	11	
1135	C6.11.08	Khối nhà C6	A (Duplex)	11&12	căn hộ duplex
1136	C6.11.09	Khối nhà C6	B3	11	
1137	C6.11.10	Khối nhà C6	B2	11	
1138	C6.12.01	Khối nhà C6	B2	12	

Ph

Stt	Ký hiệu căn hộ	Tên khối nhà	Loại căn hộ	Tầng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1139	C6.12.02	Khối nhà C6	B3	12	
1140	C6.12.03	Khối nhà C6	C1	12	
1141	C6.12.04	Khối nhà C6	C	12	
1142	C6.12.05	Khối nhà C6	C	12	
1143	C6.12.06	Khối nhà C6	C	12	
1144	C6.12.07	Khối nhà C6	E (penthouse)	12&13	căn hộ penthouse
1145	C6.12.08	Khối nhà C6	B3	12	
1146	C6.12.09	Khối nhà C6	B2	12	
1147	C6.13.01	Khối nhà C6	B2	13	
1148	C6.13.02	Khối nhà C6	B3	13	
1149	C6.13.03	Khối nhà C6	D1 (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
1150	C6.13.04	Khối nhà C6	D (penthouse)	13&14	căn hộ penthouse
1151	C6.13.05	Khối nhà C6	F1 (penthouse)	0	căn hộ penthouse
1152	C6.13.06	Khối nhà C6	B3	13	
1153	C6.13.07	Khối nhà C6	B2	13	

* Ghi chú:

Cột số (2): Ký hiệu căn hộ; Cột số (3): Tên khối nhà; Cột số (4): Loại căn hộ, được lấy theo bản vẽ được thẩm định kèm Văn bản số 04/TĐTK-HKS ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Công ty TNHH Thiết kế Hoàng Kim Sơn về thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình và Giấy phép xây dựng số 92/GPXD ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh



